TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ 2 NĂM 2019

Tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 31/12/2018
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)**	**100**		**743,708,435,352**	**834,137,339,376**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**204,848,967,924**	**259,274,365,156**
	1. Tiền	111		42,248,967,924	84,874,365,156
	2. Các khoản tương đương tiền	112		162,600,000,000	174,400,000,000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**10,000,000,000**	**10,000,000,000**
	1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,000,000,000	10,000,000,000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**442,722,754,943**	**466,052,565,966**
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		53,564,652,404	51,978,747,513
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46,680,129,062	47,439,279,062
	3. Phải thu ngắn hạn khác	136		373,570,323,477	396,634,539,391
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(31,092,350,000)	(30,000,000,000)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**23,073,900,445**	**32,450,512,124**
	1. Hàng tồn kho	141	8	23,073,900,445	32,450,512,124
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**63,062,812,040**	**66,359,896,130**
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,281,242,861	1,934,832,020
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60,605,574,949	64,249,069,880
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		175,994,230	175,994,230
	4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)**	**200**		**1,365,376,967,878**	**1,378,977,747,034**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**1,000,000,000**	**1,000,000,000**
	1. Phải thu dài hạn khác	216		1,000,000,000	1,000,000,000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**122,773,068,988**	**123,663,524,295**
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	22,660,468,607	23,550,923,914
	- Nguyên giá	*222*		*79,349,536,184*	*80,333,365,291*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(56,689,067,577)*	*(56,782,441,377)*
	2. Tài sản cố định vô hình	227	10	100,112,600,381	100,112,600,381
	- Nguyên giá	*228*		*101,191,223,281*	*101,191,223,281*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1,078,622,900)*	*(1,078,622,900)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**1,008,844,876**	**1,008,844,876**
	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1,008,844,876	1,008,844,876
IV.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	11	**734,101,050,747**	**754,507,028,719**
	- Nguyên giá	231		852,074,158,578	852,074,158,578
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(117,973,107,831)	(97,567,129,859)
V.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**404,880,912,885**	**388,880,912,885**
	1. Đầu tư vào công ty con	251	13	400,311,972,126	400,311,972,126
	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	30,359,957,249	14,359,957,249
	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	2,000,000,000	2,000,000,000
	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7	(27,791,016,490)	(27,791,016,490)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**101,613,090,382**	**109,917,436,259**
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	101,613,090,382	106,606,581,738
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			3,310,854,521
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		**270**		**2,109,085,403,230**	**2,213,115,086,410**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 31/12/2018
A.	**NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)**	**300**		**805,979,978,673**	**832,961,326,725**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**498,613,010,993**	**497,866,001,918**
	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		283,296,357,017	306,248,291,569
	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2,330,516,297	4,764,188,760
	4. Phải trả người lao động	314		11,745,630,014	13,222,392,084
	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		2,488,657,267	3,052,206,219
	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317			-
	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		27,272,727,273	27,272,727,273
	8. Phải trả ngắn hạn khác	319		88,981,061,871	62,290,912,731
	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15 a	28,121,855,608	28,572,727,562
	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,376,205,647	52,442,555,720
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**307,366,967,680**	**335,095,324,807**
	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
	2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	15 b	265,399,969,989	279,910,424,775
	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		34,090,909,115	47,727,272,747
	5. Phải trả dài hạn khác	337		7,876,088,575	7,457,627,285
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)**	**400**		**1,303,105,424,557**	**1,380,153,759,685**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	17	**1,303,105,424,557**	**1,380,153,759,685**
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		866,001,240,000	866,001,240,000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		133,918,052,614	133,918,052,614
	3. Cổ phiếu quỹ	415		(14,595,110,632)	(14,595,110,632)
	4. Quỹ đầu tư phát triển	418		259,111,461,673	159,111,461,673
	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58,669,780,902	235,718,116,030
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*46,197,152,103*	*160,532,283,908*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*12,472,628,799*	*75,185,832,122*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		**440**		**2,109,085,403,230**	**2,213,115,086,410**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
S.Đ.K.K.D: 0300452060-C.T.C.P
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Ninh	**Nguyễn Thị Thanh**	**Phùng Tuấn Hà**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 Năm 2019	Lũy kế Năm 2019	Quý 2 Năm 2018	Lũy kế Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		56,377,198,465	**103,018,244,684**	**68,008,266,590**	**132,360,077,515**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**56,377,198,465**	**103,018,244,684**	**68,008,266,590**	**132,360,077,515**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		43,543,507,400	72,120,660,893	48,939,465,732	95,622,048,609
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**12,833,691,065**	**30,897,583,791**	**19,068,800,858**	**36,738,028,906**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	6,181,525,253	9,042,145,282	10,239,214,796	14,391,575,391
7. Chi phí tài chính	22	22	-			-
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-		-
8. Chi phí bán hàng	24		(1,809,018)	99,212,289	971,786,414	1,436,105,113
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,023,832,932	23,952,980,534	12,993,590,010	23,433,961,921
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**4,993,192,404**	**15,887,536,250**	**15,342,639,230**	**26,259,537,263**
11. Thu nhập khác	31		8,637,322	465,000,958	3,490,721,458	2,797,493,644
12. Chi phí khác	32		-	216,428,517	3,490,664,215	3,490,664,215
13. Lợi nhuận khác	**40**		**8,637,322**	**248,572,441**	**57,243**	**(693,170,571)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**5,001,829,726**	**16,136,108,691**	**15,342,696,473**	**25,566,366,692**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	352,625,371	352,625,371	1,860,763,712	3,906,121,540
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	23	-	3,310,854,521	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**4,649,204,355**	**12,472,628,799**	**13,481,932,761**	**21,660,245,152**

Phạm Thị Ninh	Nguyễn Thị Thanh	Phùng Tuấn Hà
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kì kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ ngày 1/1/2018 đến 30/6/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***16,136,108,691***	***25,566,366,692***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	22,285,235,537	21,678,343,409
Các khoản dự phòng	03	1,092,350,000	
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(8,646,440,706)	(14,391,575,391)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***30,867,253,522***	***32,853,134,710***
Thay đổi các khoản phải thu	09	22,480,857,340	61,338,562,677
Thay đổi hàng tồn kho	10	9,376,611,679	(1,593,723,528)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12,559,422,371)	17,294,416,969
Thay đổi chi phí trả trước	12	4,647,080,515	(5,346,854,300)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4,415,290,984)	(6,189,734,456)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,312,800,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***49,084,289,701***	***98,355,802,072***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(121,200,000)	(32,261,761,093)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	465,000,000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(15,000,000,000)	(748,237,250)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5,100,000,000
Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,095,737,063	14,391,575,391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(5,560,462,937)***	***(13,518,422,952)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(1,876,816,402)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	18,935,800,000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14,961,326,740)	(9,525,338,815)
Tiền chi trả cổ tức	36	(82,987,897,255)	(103,920,148,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(97,949,223,995)***	***(96,386,504,017)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(54,425,397,232)**	**(11,549,124,897)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**259,274,365,156**	**305,246,630,772**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**204,848,967,924**	**293,697,505,875**

Phạm Thị Ninh	Nguyễn Thị Thanh	Phùng Tuấn Hà
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch HĐQT**

Ngày tháng năm 2019

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 15 số 0300452060 ngày 21 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Petro Việt Nam").

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty Mẹ tại ngày cuối kỳ là 65 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 64 nhân viên).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: mua bán thiết bị viễn thông; đại lý du lịch; chế biến, mua bán nước sinh hoạt; sản xuất cồn thực phẩm, cồn công nghiệp, cồn nhiên liệu; kinh doanh chiết nạp khí hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở); cho thuê kho bia, nhà xưởng, mặt bằng, văn phòng; kinh doanh nhà ở, văn phòng đại diện, kinh doanh bất động sản; mua bán thực phẩm, nhu yếu phẩm, hải sản; chế biến nông sản, lương thực (không sản xuất chế biến thực phẩm tươi sống tại trụ sở); mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, vật tư, trang thiết bị văn phòng, thiết bị nghe nhìn, máy móc, thiết bị phục vụ vệ sinh công nghiệp; linh kiện sử dụng cho vỏ bình khí; bán buôn máy thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; dịch vụ vui chơi giải trí (trừ karaoke, tổ chức đánh bạc); xây dựng nhà các loại; kinh doanh xăng dầu; điều hành tour du lịch; hoạt động xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch; sản xuất thức ăn gia súc (không hoạt động tại trụ sở); vệ sinh khu nhà và các công trình; quản lý bất động sản; cho thuê phương tiện vận tải; mua bán nông sản; mua bán lương thực; bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn phân đạm, hóa chất dùng trong công nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất độc hại mạnh); mua bán nhiên liệu sinh học, khí CO2. NH3 (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn nhựa tổng hợp, chất dẻo dạng nguyên sinh, hóa chất công nghiệp, tơ, sợi dệt; mua bán phương tiện vận tải, xe chuyên dùng; đại lý mua bán hàng hóa; sản xuất vỏ bình khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; duy tu, sửa chữa, gia công cơ khí - điện - nước và chống ăn mòn kim loại (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); đào tạo nghề; sản xuất nhiên liệu sinh học, khí CO2, NH3 (không hoạt động tại trụ sở); đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; đại lý làm thủ tục hải quan; đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan đến hậu cần; dịch vụ kiểm đếm, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ môi giới hàng hải; vận tải đa phương thức quốc tế; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải); kinh doanh khách sạn; chế biến hải sản (không sản xuất chế biến thực tươi sống, gây ô nhiễm môi trường tại trụ sở); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt các công trình dầu khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); sửa chữa máy móc, thiết bị; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ radio, cassette, tivi, loa, thiết bị âm thanh nổi, máy nghe nhạc, đầu video, đầu đĩa CD, DVD. Quảng cáo, hoạt động của các cơ sở thể thao, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

Tại ngày 30/6/2019, Tổng Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty con sở hữu gián tiếp và 2 công ty liên doanh liên kết.

Chi tiết của 11 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết trực tiếp được trình bày ở thuyết minh 13. Chi tiết 4 công ty con sở hữu gián tiếp được trình bày như sau:

	Tên	Nơi thành lập đăng ký kinh doanh	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần điện tử Điện lạnh Bình Minh (Bình Minh)	TP Hồ Chí Minh	40.81	51	Kinh doanh sản phẩm điện tử, điện lạnh, điện gia dụng
2	Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dầu Khí Nha Trang ("Nha Trang PTS")	Nha Trang	99.79	100	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
3	Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Siêu trọng Petrosetco -Ale ("Petrosetco Ale")	TP Hồ Chí Minh	22.44	51	Vận tải và xếp dỡ cấu kiện siêu trường siêu trọng
4	Công ty CP Xuất nhập khẩu Công nghệ Xanh	TP Hồ Chí Minh	50	50	Cung cấp sản phẩm thiết bị vật tư y tế

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14 - 50
Phương tiện vận tải	10 – 17
Dụng cụ quản lý	20 - 33

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m^2 sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá tiền thuê kho Hố Nai – Đồng Nai được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê kho theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác. Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con là các khoản đầu tư vào các đơn vị do Tổng Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư chưa lập dự phòng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-DVTHDK-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, Tổng Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6% lợi nhuận sau thuế

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Tiền mặt	281,987,278	603,512,941
Tiền gửi ngân hàng	41,966,980,646	84,270,852,215
Các khoản tương đương tiền (i)	162,600,000,000	174,400,000,000
	204,848,967,924	**259,274,365,156**

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng ba tháng.

6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2,000,000,000	2,000,000,000
	2,000,000,000	**2,000,000,000**

7. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Dầu khí	-	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí	1,641,016,490	1,641,016,490
Công ty CP TM DV DK Miền Trung	-	-
Công ty CP Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	7,650,000,000	7,650,000,000
Công ty CP Hội tụ Thông Minh	16,500,000,000	16,500,000,000
Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	2,000,000,000	2,000,000,000
	27,791,016,490	**27,791,016,490**

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Hàng hóa	23,073,900,445	32,450,512,124
	23,073,900,445	**32,450,512,124**

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2019	**61,670,169,389**	**7,509,514,795**	**7,092,905,347**	**4,060,775,760**	**80,333,365,291**
Mua trong năm			1,186,654,546		1,186,654,546
Tăng khác					-
Thanh lý, nhượng bán			(2,170,483,653)		(2,170,483,653)
Giảm khác		-			-
Tại ngày 31/03/2019	**61,670,169,389**	**7,509,514,795**	**6,109,076,240**	**4,060,775,760**	**79,349,536,184**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2019	**42,817,901,183**	**5,642,408,937**	**4,621,285,058**	**3,700,846,199**	**56,782,441,377**
Khấu hao trong năm	1,120,170,840	227,612,223	435,248,218	96,226,284	1,879,257,565
Thanh lý, nhượng bán			(703,384,985)	(1,269,246,380)	(1,972,631,365)
Giảm khác (i)					-
Tại ngày 31/03/2019	**43,938,072,023**	**5,870,021,160**	**4,353,148,291**	**2,527,826,103**	**56,689,067,577**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/03/2019	**17,732,097,366**	**1,639,493,635**	**1,755,927,949**	**1,532,949,657**	**22,660,468,607**
Tại ngày 1/1/2019	**18,852,268,206**	**1,867,105,858**	**2,471,620,289**	**359,929,561**	**23,550,923,914**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2019	**100,112,600,381**	**1,078,622,900**	**-**	**101,191,223,281**
Mua mới				-
Tại ngày 30/06/2019	**100,112,600,381**	**1,078,622,900**	**0**	**101,191,223,281**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2019	**-**	**1,078,622,900**	**-**	**1,078,622,900**
Khấu hao trong năm	-			-
Thanh lý	-	-		-
Tại ngày 30/06/2019	**-**	**1,078,622,900**	**-**	**1,078,622,900**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/06/2019	**100,112,600,381**	**-**	**-**	**100,112,600,381**
Tại ngày 1/1/2019	**100,112,600,381**	**-**	**-**	**100,112,600,381**

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
NGUYÊN GIÁ	VNĐ
Tại ngày 1/1/2019	**852,074,158,578**
Tăng trong năm	
Thanh lý	
Tại ngày 30/06/2019	852,074,158,578
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2019	**97,567,129,859**
Khấu hao trong năm	**20,405,977,972**
Thanh lý	
Tại ngày 30/06/2019	**117,973,107,831**
Giá trị còn lại	
Tại ngày 30/06/2019	**734,101,050,747**
Tại ngày 1/1/2019	**754,507,028,719**

Bất động sản đầu tư là nhà cửa vật kiến trúc liên quan đến khu nhà ở tại Khu liên hợp lọc hóa dầu Nghi sơn do Công ty xây dựng và cho thuê.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2019	31/12/2018
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	**1,008,844,876**	**65,525,795,256**
Tăng trong kỳ		61,380,892,686
Kết chuyển sang tài sản cố định		125,897,843,066
Tại ngày cuối kỳ	**1,008,844,876**	**1,008,844,876**

Chi tiết theo công trình:

	30/06/2019	31/12/2018
	VND	VND
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	202,211,970	202,211,970
Dự án Văn phòng -Nhà khách 41D	208,762,806	208,762,806
Dự án 41D Vũng Tàu	0	-
Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	597,870,100	597,870,100
		-
	1,008,844,876	**1,008,844,876**

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày cuối kỳ như sau:

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	30/06/2019	31/12/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	113,600,000,000	113,600,000,000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	31,681,662,678	31,681,662,678
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	64,341,999,232	64,341,999,232
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	74,742,000,000	74,742,000,000
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	58,962,908,969	58,962,908,969
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	10,733,401,247	10,733,401,247
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	16,500,000,000	16,500,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bán lẻ Dầu khí	7,650,000,000	7,650,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	6,600,000,000	6,600,000,000
Công ty TNHH MTV DV Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG")	10,400,000,000	10,400,000,000
Công ty CP Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	5,100,000,000	5,100,000,000
	400,311,972,126	**400,311,972,126**

Công ty con	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	Tp. HCM	80.05%	80.05%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	Tp. HCM	60\%	60\%	Thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Vũng Tàu	70%	70%	Cung cấp dịch vụ
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	99.79%	99.79%	Thương mại và dịch vụ
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	Hà Nội	71.46%	71.46%	Quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà
Công ty TNHH Petrosetco - SSG	Tp. HCM	51%	51%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh	Tp. HCM	55%	55%	Thiết bị, linh kiện điện tử, thiết bị ngoại vi, phần mềm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic dầu khí Việt Nam	Tp. HCM	44%	67%	Logistics
Công ty Cổ phần Phân phối Sản phẩm Công nghệ cao Dầu khí	Tp. HCM	51%	51%	Phân phối thiết bị điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV DV Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí ("PSG")	Tp. HCM	100%	100%	Ngưng hoạt động và đang tiến hành giải thể

13. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	30/06/2019 VND	31/12/2018 VND
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	14,359,957,249	14,359,957,249
Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay	16,000,000,000	-
	30,359,957,249	**14,359,957,249**

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí	Bà Rịa-Vũng Tàu	24	24	Dịch vụ cho thuê văn phòng
Công ty TNHH Nghỉ dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay	Phú Yên	20	20	Dịch vụ nghỉ dưỡng

Theo nghị quyết 22/DV-THDK-QĐ ngày 9 tháng 7 năm 2018, Tổng Công ty đã chấp thuận góp vốn để thành lập Công ty TNHH Nghỉ Dưỡng Quốc tế Vịnh Hòa Emerald Bay với tổng số vốn góp 111.2 tỷ đồng chiếm 20% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Tổng Công ty đã góp 16 tỷ đồng, tương đương với 14% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2019	31/12/2018
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	99,726,892,651	100,947,988,539
Công cụ dụng cụ dự án Nghi Sơn	1,886,197,731	5,658,593,199
	101,613,090,382	**106,606,581,738**

(i) Là khoản trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 2.619,37 m2 sàn tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

15. CÁC KHOẢN VAY

(a). Vay ngắn hạn (i).

	30/06/2019	31/12/2018
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	28,121,855,608	28,572,727,562
	28,121,855,608	**28,572,727,562**

(b). Vay dài hạn (ii)

	30/06/2019	31/12/2018
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	265,399,969,989	279,910,424,775
	265,399,969,989	**279,910,424,775**

(i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do các ngân hàng công bố tại thời điểm giải ngân hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận.

Khoản vay với ngân hàng TMCP Á Châu có hạn mức tín dụng 400 tỷ đồng, có hiệu lực rút vốn hết ngày 31//2018 và chịu lãi suất thay đổi Theo từng thời kỳ do ngân hàng này công bố.

Khoản vay này được sử dụng để tài trợ đầu tư Dự án Nghi Sơn, có thời hạn là 9 năm kể từ năm 2016 và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ Dự án Nghi Sơn, quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất, các khoản phải thu, quyền phát sinh có được Theo hợp đồng cho thuê tại Dự án Nghi Sơn và 5.345.200 cổ phiếu của PSA sở hữu bởi Tổng công ty.

Chi phí lãi vay của khoản vay liên quan đến Dự án Nghi sơn trước khi Dự án đi vào hoạt động được vốn hóa vào bất động sản đầu tư. Từ tháng 10 năm 2016, sau khi dự án Nghi Sơn đưa vào hoạt động, chi phí lãi vay được hoàn trả bởi Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn, bên đi thuê của Dự án Nghi Sơn.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2019	31/12/2018
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	352,625,371	4,415,290,984
Thuế thu nhập cá nhân	1,977,890,926	348,897,776
Thuế,phí, lệ phí khác	-	-
	2,330,516,297	**4,764,188,760**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

	30/06/2019	31/12/2018
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	86,600,124	86,600,124
+ Cổ phiếu phổ thông	*86,600,124*	*86,600,124*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	1,590,310	1,590,310
+ Cổ phiếu phổ thông	*1,590,310*	*1,590,310*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	85,009,814	85,009,814
+ Cổ phiếu phổ thông	*85,009,814*	*85,009,814*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 18 số 0300452060 ngày 15 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 866.001.240.000 đồng. Tại ngày cuối kỳ, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	30/06/2019		31/12/2018	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	209,738,510,000	24.22	209,738,510,000	24.22
Các cổ đông khác	656,262,730,000	75.78	656,262,730,000	75.78
	866,001,240,000	**100**	**866,001,240,000**	**100**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ như sau

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2017	**866,001,240,000**	**133,918,052,614**	-	-	**159,111,461,673**	**273,460,407,260**	**1,432,491,161,547**
							-
Tăng trong năm	-	-	-	**(14,595,110,632)**	-	**66,177,857,570**	**51,582,746,938**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-		75,185,832,122	75,185,832,122
Tạm trích Quỹ	-	-	-	-	-	(9,007,974,552)	(9,007,974,552)
Điều chuyển, tăng khác	-	-	-	**(14,595,110,632)**	-	-	(14,595,110,632)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	**103,920,148,800**	**103,920,148,800**
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	103,920,148,800	103,920,148,800
Số dư tại ngày 31/12/2018	**866,001,240,000**	**133,918,052,614**	-	**(14,595,110,632)**	**159,111,461,673**	**235,718,116,030**	**1,380,153,759,685**
Tăng trong năm	-	-	-	-	**100,000,000,000**	**(87,527,371,201)**	**12,472,628,799**
Tăng vốn	-					-	-
Lợi nhuận trong năm	-				-	12,472,628,799	12,472,628,799
Phân phối quỹ (i)	-				100,000,000,000	(100,000,000,000)	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	**(89,520,963,927)**	**(89,520,963,927)**
Giảm khác	-	-	-	-	-	(4,511,149,927)	(4,511,149,927)
Chi trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(85,009,814,000)	(85,009,814,000)
Số dư tại ngày 30/06/2019	**866,001,240,000**	**133,918,052,614**	-	**(14,595,110,632)**	**259,111,461,673**	**58,669,780,902**	**1,303,105,424,557**

19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại ngày 30/6/2019	Tại ngày 31/12/2018
Ngoại tệ các loại		
USD	3,899.84	3,899.84

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ ngày 1/1 đến 30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,371,193,635	6,910,191,341
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,138,080,000	6,043,560,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	667,661
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,532,871,647	1,437,156,389
	9,042,145,282	**14,391,575,391**

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ ngày 1/1 đến 30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
	-	-

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ ngày 1/1 đến 30/6/2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**16,136,108,691**	**25,566,366,692**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Các khoản điều chỉnh tăng	***814,888,116***	***7,801,008***
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	814,888,116	7,801,008
Các khoản điều chỉnh giảm	***16,280,219,952***	***6,043,560,000***
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**670,776,855**	**19,530,607,700**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	352,625,371	3,906,121,540
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
	352,625,371	**3,906,121,540**

23. NGHIỆP VỤ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ ngày 1/1/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Mua hàng và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11,195,872,167	9,131,664,450
Các công ty con	11,676,861,996	12,151,872,439
Các công ty thành viên PVN	1,504,855,705	620,778,631
	24,377,589,868	**21,904,315,520**

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/6/2019	Từ ngày 1/1/2018 đến 30/6/2018
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	-
Các công ty thành viên PVN	57,403,824,152	82,518,952,951
Các công ty con	30,393,658,936	28,779,228,292
	87,797,483,088	**111,298,181,243**

s

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán PricewaterhouseCoopers Việt Nam kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

S.Đ.K.K.D: 0300452060 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Ninh	**Nguyễn Thị Thanh**	**Phùng Tuấn Hà**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch HĐQT**
Ngày tháng năm 2019		

GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ QUÝ 2 NĂM 2019 SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2018

Thực hiện theo thông tư 155/2015/TT-BTC, Tổng công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí giải trình biến động kết quả kinh doanh Công ty Mẹ năm 2019 so với cùng kỳ năm 2018 như sau:

Lợi nhuận của Công ty Mẹ trong Q2 năm 2019 đạt 4.6 tỷ đồng, giảm 8.8 tỷ đồng tương đương 65% so với cùng kỳ năm 2018, nguyên nhân chính là do giảm doanh thu từ dịch vụ cho thuê lại lao động và doanh thu hoạt động tài chính. Dịch vụ cho thuê lại lao động được Công ty mẹ chuyển giao cho Công ty con tiếp tục thực hiện kể từ tháng 7 năm 2018. Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm 35% do cổ tức từ các Công ty con chuyển về Công ty mẹ là 2.1 tỷ số cùng kỳ là 6.04 tỷ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

S.Đ.K.K.D: 0300452060 C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯỞNG BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Đào Văn Đại